

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 THÁNG 11 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						306 713	54 076	216 804			
I		CẢNG CHÍNH						65 880	30 226	35 654			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						32 950	30 226	2 724			
1		ĐẠM NINH BÌNH	02/11	1356/11	17/11	NB 8611	CẨM 4A.1	3 100	3 030	70	04/11	HỘ LỚN	MỐN: 3.048
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	02/11	1358/11	09/11	VIỆT THUẬN 235-01	CẨM 6A.14	22 800	21 500	1 300	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
3		KDT HÀ BẮC	02/11	33/10	17/11	BN 1991	CẨM 5A.1	1 650	1 639	11	04/11	PTCB	GIA HẠN L1
4		KDT HÀ BẮC	02/11	32/10	17/11	BN 0937	CẨM 5A.1	1 170	262	908	RÓT DỖ	PTCB	GIA HẠN L1
5		DVVT QN	31/10	1294/10	06/11	BN 2629	CỤC XỎ 1C	1 980	1 559	421	RÓT DỖ	TD	GIA HẠN L2
6		VINA CARBON	03/11	48/11	10/11	BN 1236	CẨM 1	1 000	996	4	04/11	TD	
7		TTC	04/11	65/11	11/11	HN 2089	CỤC 4A.1	1 250	1 240	10	04/11	TD	
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						32 930		32 930			
1		ĐẠM NINH BÌNH	02/11	1357/11	17/11	NB 8901	CẨM 4A.1	2 380		2 380		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	04/11	1366/11	19/11	VIỆT THUẬN 30-06	CẨM 6A.14	26 450		26 450		HỘ LỚN	
3		SÔNG HỒNG	01/11	34/10	07/11	BN 1135	CỤC XỎ 1C	910		910		TD	GIA HẠN L1
4		DVVT QN	03/11	45/11	10/11	BN 0679	CỤC XỎ 1C	1 200		1 200		TD	
5		SÔNG HỒNG	03/11	52/11	10/11	TNG 0889	CỤC XỎ 1C	990		990		TD	
6		V TRACO	04/11	76/11	11/11	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
		Tàu chuyển tải						91 200	-	91 200			
		Tàu đang làm hàng											
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						91 200		91 200			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	02/11	1355/11		QUANG VINH 188	CẨM 5B.14	19 200		19 200		HỘ LỚN	TTHG: 10.200 - KDTCP: 9.000
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	04/11	1365/11		VIỆT THUẬN OCEAN	CẨM 6A.1	47 000		47 000		HỘ LỚN	TTCO: 25.000 - KVCP: 7.000 - TTHG: 15.000
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	04/11	1367/11		VIỆT THUẬN 235-02	CẨM 6A.10	25 000		25 000		HỘ LỚN	KDTCP: 7.000 - CLM: 10.000 - KVCP: 8.000
II		KHO G9-HÓA CHẤT						38 347	8 400	29 947			
		Tàu đã làm hàng						9 938	8 400	1 538			
1		CROMIT CỎ ĐÌNH	03/11	58	10/11	HẢI HÀ 86	CẨM 7C	2 500	2 491	9	04/11	PT CB	
2		MIỀN BẮC	04/11	72	11/11	HP - 5915	CẨM 7C	2 376	1 639	737	dỡ	PT CB	ĐN - CS
3		CP ĐTTM&DV	01/11	631	07/11	BN 1468	CỤC 1B	1 150	385	765	dỡ	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L2
4		MIỀN TRUNG	03/11	46	10/11	VIỆT TRUNG 68	CẨM 8A	1 980	1 962	18	04/11	TD	ĐN - CS
5		CP SX TM THAN UỐNG BÍ	01/11	1 181	07/11	BN - 2227	CẨM 7C	1 932	1 922	10	04/11	TD	CAO SƠN - GIA HẠN L1
		Tàu đã làm lệnh						28 409		28 409			
1		ĐẠM NINH BÌNH	03/11	1363/11	18/11	NB - 8218	CẨM 4A.1	3 100		3 100		HỘ LỚN	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 THÁNG 11 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		CP ĐTTM&DV	01/11	688	07/11	BN - 2519	CỤC 1A	1 100		1 100		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L2
3		CP HÀNG HẢI VN	01/11	819	07/11	BN - 2397	CỤC 1B	1 016		1 016		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
4		CP VT&KD THAN	01/11	1 025	07/11	BN - 2225	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
5		CP DVVT QUẢNG NINH	01/11	1 065	07/11	BN - 1809	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
6		CP ĐTTM&DV	01/11	1 140	07/11	BN - 0979	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	CAO SƠN - GIA HẠN L1
7		MIỀN NAM	03/11	1 158	10/11	AN VINH 18	CÁM 8A	1 900		1 900		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
8		MIỀN TRUNG	03/11	1 183	10/11	THÀNH AN 45	CÁM 7A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
9		MIỀN TRUNG	03/11	1 183	10/11	THÀNH AN 45	CỤC 1B	950		950		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
10		HÀ NỘI	02/11	1 189	09/11	BN - 2006	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
11		CP VT&KD THAN	02/11	42	09/11	BN - 0869	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
12		SÔNG HỒNG	03/11	47	09/11	BN - 0766	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
13		XD CN MỎ	03/11	51	10/11	BN - 1296	CỤC 1A	1 150		1 150		TD	ĐN - CS
14		CP ĐTTM&DV	03/11	53	10/11	HD - 1991	CÁM 7C	1 820		1 820		TD	ĐN - CS
15		CP SX TM THAN UÔNG BÍ	03/11	56	10/11	BN - 1997	CÁM 8A	1 100		1 100		TD	ĐN - CS
16		CP HÀNG HẢI VN	04/11	59	12/11	BN - 2122	CÁM 8A	2 223		2 223		TD	ĐN - CS
17		CROMIT CỎ ĐÌNH	04/11	60	12/11	BN - 2339	CÁM 8A	1 900		1 900		TD	ĐN - CS
18		XD CN MỎ	04/11	61	12/11	BN - 2212	CÁM 8A	1 900		1 900		TD	ĐN - CS
19		CẦU ĐUÔNG	04/11	66	11/11	BN - 0936	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
20		COALIMEX	04/11	69	11/11	BN - 0695	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
21		CP SXKD KS DV TNV HẢI DƯƠNG	04/11	71	11/11	BN - 2228	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	ĐN - CS
III		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						<u>1 620</u>	-	<u>1 620</u>			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu đã làm lệnh						1 620		1 620			
1		ĐIỆN PHẢ LAI	03/11	1364/11	18/11	QN 4080	CÁM 5A.10	1 620		1 620			
IV		<u>KHO CẢNG KM6</u>						<u>35 833</u>	<u>15 450</u>	<u>20 383</u>			
		Tàu đã làm hàng						17 611	15 450	2 161			
1		CROMIT THANH HÓA	03/11	57	10/11	MINH HẰNG 198	Cám 6a.1	3 750	3 675	75	04/11	PTCB	
2		KDT MIỀN BẮC	04/11	62	19/11	HP 5795	CÁM 6B.1	5 068	3 789	1 279	RÓT DỖ	PTCB	
3		CBT QUẢNG NINH	04/11	63	19/11	QN 7535	CÁM 5B.1	1 155	622	533	RÓT DỖ	PTCB	
4		CBT QUẢNG NINH	04/11	70	19/11	V TRACO 27 (HP 5648)	CÁM 5B.1	3 900	3 878	22	04/11	PTCB	
5		DVVT QN	02/11	43	09/11	BN 2158	BÚN 3C	1 538	1 528	10	04/11	TD	NGUỒN QH

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 THÁNG 11 NĂM 2025

[illegible]